TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG ----------*----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **144/2019**/DS-ST
Ngày 08/8/2019.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà.
2. Bà Huỳnh Thị Tỏ.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Trần Hữu Vĩnh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* **Bà Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bùi Văn Tấn N**, sinh năm 1979 (có mặt).
Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh TG.
- Bị đơn: **Nguyễn Ngọc Thùy L**, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 15/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Văn Tấn N trình bày:* Vào đầu tháng 10/2018, anh có cho chị L vay 135.000.000 đồng, thời hạn vay là 20 ngày, vì đây là tiền anh dành dụm để cất nhà. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng trong thời gian này, chị L có đưa anh 4.000.000 đồng cho con anh uống sữa. Sau đó, đến thời hạn trả tiền chị L không trả nên vào ngày 20/10/2018, anh có viết biên nhận thỏa thuận đến tháng 3/2019, chị L phải trả tiền cho anh và chị L có ký tên vào biên nhận. Đến tháng 3/2019, anh gặp chị L đòi tiền nhưng chị L đưa ra nhiều lý do để không trả tiền cho anh. Nay anh yêu cầu chị L trả số tiền vay còn nợ là 135.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật trả 60.000.000 đồng, số tiền còn lại 75.000.000 đồng mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

***** *Tại Biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Ngọc Thùy L trình bày:* Vào tháng 9/2018, chị có vay của anh N 135.000.000 đồng, lúc này chưa làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 10 ngày chị trả cho anh N là 13.000.000 đồng, chị đã trả lãi được 03 lần là 39.000.000 đồng. Đến ngày 20/10/2018, anh N viết biên nhận chị có ký tên, thỏa thuận thời hạn trả tiền là tháng 03/2019, lãi suất thỏa thuận miệng là 10%/tháng, chị đã trả được 05 tháng tiền lãi là 67.500.000 đồng thì ngưng. Sau đó, đến thời hạn trả nợ nhưng chị không có khả năng để trả. Nay chị thừa nhận còn nợ anh N 135.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế của chị khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi chị đã trả, chị không yêu cầu gì, vì khi chị trả lãi cho anh N, chị không có làm giấy tờ gì.

* Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, buộc chị L có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền vay còn nợ là 135.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật trả 60.000.000 đồng, số tiền còn lại 75.000.000 đồng mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa anh N và chị L là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 26/7/2019, bị đơn chị Nguyễn Ngọc Thùy L có đơn xin vắng mặt do đi làm xa nhà. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị L.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, anh N yêu cầu chị L trả lại số tiền còn nợ là 135.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/10/2018 (BL19), thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật trả 60.000.000 đồng, số tiền còn lại 75.000.000 đồng mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Nhận thấy, tại Biên bản hòa giải (BL24,25), chị L thừa nhận còn nợ anh N số tiền 135.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/10/2018 nhưng chị L xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Theo biên nhận (BL19), thời hạn trả tiền là tháng 03/2019 nhưng đến nay chị L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh N. Vì vậy, yêu cầu của anh N là có cơ sở phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị L phải có nghĩa vụ trả lại anh N số tiền còn nợ là 135.000.000 đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật trả 60.000.000 đồng, số tiền còn lại 75.000.000 đồng mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[4] Về yêu cầu trả lãi, anh N không yêu cầu yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị L có nghĩa vụ trả nợ nên chị L phải chịu án phí (135.000.000 đồng x 5% = 6.750.000 đồng) theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Tấn N.**

Buộc chị Nguyễn Ngọc Thùy L có nghĩa vụ trả cho Bùi Văn Tấn N số tiền là 135.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng),* thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật trả 60.000.000 đồng, số tiền còn lại 75.000.000 đồng mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Kể từ ngày anh Nhi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

• Chị L phải chịu 6.750.000 đồng *(Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí.

• Hoàn lại anh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.375.000 đồng *(Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai số 46775 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng chị L thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An